TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25 /2021/HNGĐ – ST
Ngày: 20/01/2021
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đức Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên

2. Bà Lê Thị Thanh Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Lan – Thư ký Tòa án

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên không tham gia phiên tòa

Ngày 20 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 574/2020/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 444/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 335/2020/QĐST –HN ngày 28 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Danh K, sinh năm 1993

Địa chỉ: Số 218, đường L, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Phan Hòa Nhựt. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số 218, đường L, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

(bà K có đơn xin vắng mặt và ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 25/7/2020, tại biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Danh K trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T tự tìm hiểu yêu thương sau đó tổ chức đám cưới năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 22/02/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu đến 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T không có nghề nghiệp, cuộc sống chủ yếu là do cha mẹ ông T nuôi, ông T không làm ra tiền, không chăm lo cho vợ con từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà K và ông T đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Bà K nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về quan hệ con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Bảo A, sinh ngày 18/11/2016, sau khi ly hôn bà K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Huỳnh Văn T không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà K và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt lý do phải đi làm ăn xa, điều kiện đi lại khó khăn nên không về dự tòa được. Ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Tuy nhiên, luật sư có nộp bài phát biểu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Như.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Danh K và ông Huỳnh Văn T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Bà Danh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do điều kiện đi lại khó khăn nên xin vắng mặt khi tòa xét xử. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà K.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông T mặc dù đã ký nhận trực tiếp các văn bản tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà K và ông T tự tìm hiểu yêu thương sau đó tổ chức đám cưới năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường M vào ngày 22/02/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu đến 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông T không có nghề nghiệp cuộc sống chủ yếu là do cha mẹ ông T nuôi, ông T không làm ra tiền, không chăm lo cho vợ con từ đó dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã, bà K và ông T đã ly thân khoảng 06 tháng nay. Bà K nhận thấy vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc mục đích hôn nhân không đạt được nên bà K yêu cầu được ly hôn với ông T.

Phía bị đơn được Tòa án nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, ông T vẫn không gửi văn bản trình bày ý kiến của T đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của bị đơn được quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự và đồng nghĩa với việc ông không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng động viên bà K và tạo thêm thời gian để vợ chồng bà K ông T có cơ hội để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà K vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn vì ông T không có nghề nghiệp, không chăm lo cho kinh tế gia đình, từ nguyên nhân đó đã dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã và bà K với ông T đã ly thân, bà K về nhà cha mẹ ruột sống khoảng 06 tháng nay. Từ đó, có thể nhận thấy tình cảm của bà K dành cho chồng không còn, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà K và ông T không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà K được ly hôn với ông T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Bảo A, sinh ngày 18/11/2016. Lời khai của bà K phù hợp với bản sao trích lục khai sinh số 336/KS-BS ngày 15/12/2016 do Ủy ban nhân phường M cấp. Xét thấy, thời gian qua cháu Bảo A do bà K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ông T cũng không có ý kiến đối với con chung, do đó nhằm đảm bảo ổn định về tinh thần và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của nguyên đơn.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] *Về án phí*: Bà Danh K phải chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 177; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Danh K. Bà Danh K được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Bảo A, sinh ngày 18/11/2016 cho bà Danh K chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà K cùng các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

***Về án phí*:** Bà Danh K phải chịu 300.000 đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà K đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005561 ngày 03/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Danh K và ông Huỳnh Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự ;*
- *VKSND TPLX;*
- *THADS TPLX;*
- *UBND P.Mỹ Long;*
- *Lưu hồ sơ./.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh